

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS- ST
Ngày: 30- 11- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đức Hữu
2. Ông Phạm Chí Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST- HS ngày 19 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Đ- sinh ngày 30 tháng 12 năm 1993 tại huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không có; nơi ĐKKHKT: Khu TT, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Khu V, xã P, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1967; có vợ là Trần Thị Bích Ph sinh năm 1997 và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án số 27/2012/HSST ngày 26/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Trần Ngọc Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2013, nộp xong án phí hình sự sơ thẩm vào tháng 6/2013, đã được xóa án tích.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Quân Tr- sinh năm 1990

Trú tại: Khu V, xã P, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Xuân Ng- sinh năm 1982

Trú tại: Khu HT, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ;

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị Ch- sinh năm 1960

Trú tại: Khu V, xã P, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ.

(Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 31/10/2018, Trần Ngọc Đ bế con gái là cháu Trần Ngọc H sinh năm 2016 đi bộ từ nhà mẹ vợ là bà Trần Thị H1 sinh năm 1979 ở thôn 4, xã P1 (nay là khu V, xã P), huyện ĐH đến nhà bà Hoàng Thị Ch sinh năm 1960 ở cùng thôn để mượn xe mô tô đưa cháu H đi khám bệnh. Tại đây, Đ gặp bà Ch cùng con trai của bà Ch là anh Lê Quân Tr sinh năm 1990 và được anh Tr đồng ý cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 19E1 - 033.xx của anh Tr. Đ hẹn đến chiều cùng ngày sẽ đem trả chiếc xe mô tô trên. Sau khi mượn được xe, Đ điều khiển xe chở cháu H đến Trung tâm y tế huyện ĐH để khám bệnh. Tuy nhiên, do đông bệnh nhân, chờ khoảng 15 phút chưa đến lượt đăng ký khám nên Đ chỉ đưa cháu H đi mua thuốc rồi điều khiển xe chở cháu H về nhà bạn là anh Hoàng Thanh T sinh năm 1988 ở khu ĐT, thị trấn ĐH chơi. Ở lại nhà anh T đến chiều ngày 01/11/2018, do không có tiền chi tiêu cá nhân, Đ đã nảy sinh ý định đem chiếc xe mô tô mượn của anh Tr đi cầm cố. Thực hiện ý định, Đ điều khiển xe đến cửa hàng kinh doanh cầm đồ của anh Phùng Xuân Ng sinh năm 1982 ở khu HT, thị trấn ĐH, huyện ĐH, nói dối anh Ng đây là xe của mình, cầm cố chiếc xe để vay 3.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, Đ đã chi tiêu cá nhân và mua số lô, số đề hết.

Đến sáng ngày 01/11/2018, bà Ch và anh Tr không thấy Đ đem trả xe như đã hẹn nên đi tìm. Đến chiều cùng ngày, bà Ch cùng vợ của Đ là chị Trần Thị Bích Ph sinh năm 1997 tìm được Đ ở nhà anh T. Do không có tiền lấy lại xe trả cho anh Tr nên Đ nói dối bà Ch và chị Ph là xe đã cho anh T mượn, giả vờ đưa bà Ch, chị Ph đi gặp anh T để lấy xe, lợi dụng lúc hai người này không để ý đã bỏ trốn.

Sau nhiều lần liên lạc với Đ nhưng không được, ngày 05/11/2018, bà Ch có đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện ĐH. Ngày 06/11/2018, Cơ quan điều tra xác minh, thu giữ được chiếc xe mô tô biển số 19E1 - 033.xx tại cửa hàng của anh Ng.

Ngày 11/11/2018, Đ trở về địa phương và bị triệu tập đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Đ thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện ĐH đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô mà Đ chiếm đoạt của anh Tr. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 95, ngày 16/11/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện ĐH kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 19E1 - 033.xx trị giá là 23.800.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 27/12/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện ĐH ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Ngọc Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên khi đó Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 25/02/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện ĐH ra Quyết định truy nã đối với Trần Ngọc Đ. Ngày 27/02/2019, do hết thời hạn điều tra nhưng không rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan CSĐT - Công an huyện ĐH ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can. Đến ngày 06/10/2020, Đ trở về đầu thú. Ngày 07/10/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện ĐH ra Quyết định đình nã, Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Đ và tiến hành điều tra làm rõ toàn bộ nội dung vụ án như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 69/CT- VKSDH ngày 18/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH đã truy tố Trần Ngọc Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Ngọc Đ từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc Đ khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Kết thúc phần tranh luận, Trần Ngọc Đ nói lời sau cùng: Bị cáo biết tội của mình, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án phù hợp để sớm được trở về địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Ngọc Đ khai nhận:

Ngày 31/10/2018 Trần Ngọc Đ mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 19E1 - 033.xx trị giá 23.800.000đ của anh Lê Quân Tr ở khu V,

xã P, huyện ĐH để đưa con đi khám bệnh. Ngày 01/11/2018, Đ đã đem chiếc xe trên đến cửa hàng kinh doanh cầm đồ của anh Phùng Xuân Ng ở khu HT, thị trấn ĐH, huyện ĐH nói dối là xe của mình, cầm cố xe cho anh Ng để vay 3.000.000đ, số tiền này Đ đã chi tiêu hết.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trần Ngọc Đ sau khi mượn tài sản của người khác đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đó. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định :

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b).....”

[4] Hành vi của Trần Ngọc Đ đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã bị kết án, tuy đã được xóa án tích nhưng có nhân thân xấu, sau khi phạm tội lại bỏ trốn, bị Cơ quan điều tra truy nã nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly đời sống xã hội một thời gian. Khi lượng hình có xem xét bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là khai báo thành khẩn và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình là đầu thú. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét mức hình phạt mà Đ diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với Trần Ngọc Đ là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do Trần Ngọc Đ không có tài sản, không giữ chức vụ hoặc làm nghề gì đặc biệt nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Anh Phùng Xuân Ng là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 19E1 - 033.xx, nhưng anh Ng không biết đây là tài sản do Đ phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Quá trình điều tra Trần Ngọc Đ còn khai: Trong số tiền 3.000.000đ cầm cố xe mô tô để vay của anh Phùng Xuân Ng, Đ đã dùng 2.500.000đ mua số lô, số đề của bà Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1961 ở khu DT, thị trấn DH, huyện DH nhưng không nhớ rõ mua những số nào, cũng không trúng thưởng. Qua xác minh, bà Th1 có làm Đại lý cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Thọ. Bà Th1 không thừa nhận bán số lô, số đề cho Đ, nên không đủ căn cứ để xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 04/01/2019 Cơ quan CSĐT- Công an huyện DH đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 19E1 - 033.xx cho anh Lê Quân Tr là chủ sở hữu, cần xác nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Quân Tr đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Trần Ngọc Đ bồi thường; số tiền 3.000.000đ anh Phùng Xuân Ng cho Trần Ngọc Đ vay khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô, anh Ng và Đ thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết,

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt Trần Ngọc Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Trần Ngọc Đ.

*** Về xử lý vật chứng:** Xác nhận: Ngày 04/01/2019 Cơ quan CSĐT- Công an huyện DH đã trả lại cho anh Lê Quân Tr 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 19E1 - 033.xx (Có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:** Buộc bị cáo Trần Ngọc Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND thị trấn ĐH;
- Chi cục THADS Đoàn Hùng;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa